

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hợp;

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Thành Công – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1997, (có mặt)

Địa chỉ: Xóm D, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/12/2024 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau từ cuối năm 2015 trên cơ sở tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống với nhau tại nhà chồng tại xóm C, xã P, huyện Đ đến ngày 09/11/2016 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, ngay sau khi sinh con đầu tiên được 03 tháng thì vợ chồng đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến đỉnh điểm là vào cuối năm 2019, đầu năm 2020 thì vợ chồng liên tục xảy ra xô xát, cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H1 không tu chí làm ăn để vun vén cho hạnh phúc gia đình. Nhiều lần chị phát hiện anh H1 có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, khi chị khuyên can thì anh H1 không thay đổi và còn có hành vi bạo lực đối với chị khiến tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất căng thẳng. Từ năm 2020 đến nay chị đã chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An, vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị cương quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/03/2017 và cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 16/6/2019. Cháu K đang ở cùng chị còn cháu K1 đang ở cùng anh H1. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng K, anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng K1 đến khi các con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá tố tụng giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Anh và chị Trần Thị H yêu thương và tìm hiểu nhau tự nguyện từ khoảng cuối năm 2015. Đến đầu năm 2016 thì chung sống với nhau và chị H mang thai con thứ nhất, tuy nhiên thời điểm đó chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đến ngày

09/11/2016 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới anh chị về nhà bố mẹ anh để sinh sống tại xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện chị H khi đi làm đã có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Chính anh và bố mẹ đẻ chị H đã bắt quả tang tại nơi chị H làm việc, gia đình hai bên đã phải hoà giải nhiều lần cho vợ chồng tuy nhiên tình cảm giữa hai bên đã rạn nứt khó có thể hàn gắn được. Khi nóng giận đã có lần anh lỡ tay đánh chị H, tuy nhiên chị H cũng có nhiều hành vi khiến vợ chồng xô xát. Từ năm 2020 đến nay chị H đã chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An, vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Tuy nhiên, anh H1 xác định đã vẫn còn tình cảm, cần thêm thời gian suy nghĩ về mối quan hệ hôn nhân với chị H nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trọng K sinh ngày 24/3/2017 và Nguyễn Trọng K1 sinh ngày 16/6/2019. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị H còn cháu K1 đang ở cùng với anh từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng K1, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng K. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần tranh luận: Chị Trần Thị H không tranh luận.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị H được ly hôn anh H1.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Trọng K sinh ngày 24/3/2017 cho chị H, giao con chung Nguyễn Trọng K1 sinh ngày 16/6/2019 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung các bên đương sự xác định không có vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh H1 vắng mặt. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” mà bị đơn cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục phiên tòa đối với bị đơn nhưng anh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý

do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H1.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị H, ý kiến của anh H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Chị H và anh H1 đều đưa ra lý do cho riêng mình; chị H cho rằng vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh H1 không tu chí làm ăn, có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và còn có hành vi bạo lực đối với chị. Anh H1 cho rằng chị H đi ra ngoài có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác và có nhiều hành vi khiến vợ chồng xô xát. Anh H1 và chị H cùng xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vợ, chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Tại buổi hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, chị H kiên quyết xin ly hôn; anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng có phương án để vợ chồng hòa giải với nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H, anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H và anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/03/2017 và cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 16/6/2019. Trường hợp ly hôn, chị H và anh H1 cùng có ý kiến thống nhất để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Trọng K, anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Trọng K1 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có sự thay

đôi khác. Đây là ý kiến tự nguyện của anh H1 và chị H, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con vì vậy cần được chấp nhận. Chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/03/2017 và cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 16/6/2019. Giao chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/03/2017; anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trọng

K1, sinh ngày 16/6/2019 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được.

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005774 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt báo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Phú Xuyên;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thiện Hoàng